

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Trí;

Ông Võ Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị L, sinh năm 1981; cư trú ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ đang sinh sống: số 14A, khu dân cư ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: anh Võ Trường A, sinh năm 1979; cư trú ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Trần Thị L trình bày: chị L và anh A chung sống với nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ cấp chứng nhận kết hôn số 101, ngày đăng ký 18/4/2005 theo bản sao trích lục kết hôn số 87/TLKH-BŞ ngày 17-01-2022 cấp cho chị Trần Thị L và anh Võ Trường A.

Quá trình chung sống, chị L và anh A có được 02 đứa con chung Võ Trường Giang, sinh ngày 03/01/2001 và Võ Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 09/6/2008 lần lượt theo các bản sao giấy khai sinh số 141, ngày đăng ký 18-4-2005, số 346, ngày đăng ký 23/7/2008 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Nguyên nhân ly hôn: cách đây khoảng 10 năm, vợ chồng chị L, anh A ra riêng, cùng chăn nuôi vịt, làm vườn tại xã B nhưng không may mắn bị thua lỗ. Sau đó vợ chồng có hỏi một số tiền bên ngoài để có điều kiện mướn đất trồng rẫy, xoài nhằm khôi phục kinh tế gia đình. Bên cạnh đó chị L có đi làm thuê gửi thêm tiền về cho anh A có chi phí chăm sóc vườn xoài. Đến khi thu hoạch xoài xong, thu lại tiền vốn và có chút tiền lời thì anh A lấy hết tiền tiêu xài cá nhân mà không trang trải việc trả nợ nần trước đây.

Mặc dù chị L cố gắng đi làm lo trả nợ, lo cho con cái nhưng anh A lại ghen tuông vu vợ, trong khi bản thân chị L không làm gì có lỗi, sai trật với anh A. Thậm chí anh A có lời lẽ hăm dọa tính mạng chị L. Từ đó, chị L luôn né mặt anh A, trở về nhà cha mẹ chị L sinh sống tại xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Trong thời gian chị L đi làm thuê, thỉnh thoảng anh A có gọi điện thoại cho chị L nhưng không phải hỏi han, động viên mà chỉ toàn dùng lời lẽ chửi mắng thậm tệ đối với bản thân chị L.

Hiện tại, anh A đi làm thuê và đứa con gái Võ Thị Cẩm Nhung đang sống chung với anh A tại Bình Dương.

Nhận thấy, việc sống chung với anh A không có tương lai, anh A không biết làm ăn, làm được đồng nào thì ăn đồng nấy, không biết phấn đấu lo làm giàu, chỉ lo cờ bạc. Bên cạnh, chị L và anh A có thời gian dài ly thân từ khoảng 05 năm nay, cá nhân chị L không còn chút tình cảm nào để duy trì cuộc sống hôn nhân với anh A. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn với anh A.

Khi ly hôn, chị L tự nguyện giao đứa con Võ Thị Cẩm Nhung cho anh A trực tiếp nuôi con. Đối với con Võ Trường Giang đã thành niên và khả năng lao động.

Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

Tại phiên tòa: chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn do vợ chồng mâu thuẫn, anh A không biết lo cho gia đình, làm nợ nần, ghen tuông, không còn sống chung với nhau khoảng 05 năm nay, tính tình không còn hòa hợp. Chị L tự nguyện giao con Võ Thị Cẩm Nhung cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, không có ý kiến cấp dưỡng cho con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Chị Trần Thị L đã thực hiện đầy đủ các quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Võ Trường A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến, tham gia phiên họp và hòa giải, không chấp hành nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, anh A vắng mặt không có lý do theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt anh A là đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: anh A ghen tuông làm vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn. Có cơ sở xác định vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc nên việc chị L yêu cầu ly hôn với anh A phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị L tự nguyện giao con Võ Thị Cẩm Nhung cho anh A trực tiếp nuôi con do con đang sống ổn định với anh A. Ngoài ra, anh A không có yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh A. Giao con Võ Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 09-6-2008 cho anh A trực tiếp nuôi con.

Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị L có đơn khởi kiện đối với anh A về yêu cầu ly hôn. Anh A có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh A đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị L và anh A xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ cấp chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, chị L cho rằng do anh A ghen tuông vô cớ, có lời lẽ hăm dọa đến tính mạng, sức khỏe của chị L. Vợ chồng chính thức ly thân khoảng 05 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xem xét lời khai của chị L phù hợp với biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 05/5/2022 có nội dung xác định “vợ chồng chị L, anh A chung sống với nhau có mâu thuẫn phát sinh từ việc anh A ghen tuông, chửi mắng, hăm dọa chị L”.

[4] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh A không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Hơn nữa, Tòa án tổ chức hòa giải vụ việc ly hôn nhưng anh A đều vắng mặt tại các phiên hòa giải của Tòa án nên việc hòa giải đoàn tụ không thành.

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị L yêu cầu ly hôn với anh A là có căn cứ do vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không ai có thiện chí hàn gắn, cả hai đã không còn sống chung với nhau khoảng 05 năm nay, bỏ mặc nhau, điều đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh A.

[6] Về ý kiến, yêu cầu nuôi con: chị L tự nguyện giao con chung Võ Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 09-6-2008 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng do con đang sống chung với anh A. Như vậy, ý kiến tự nguyện của chị L là không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và con đang sống ổn định với anh A. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận ý kiến tự nguyện của chị L, giao con Võ Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 09-6-2008 cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh A không có ý kiến, yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, việc nuôi con là quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cha, mẹ nên anh A phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị L thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với con chung Võ Trường Giang, sinh ngày 03/01/2001 đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: chị L phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L đối với bị đơn anh Võ Trường A.

Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Võ Trường A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 101, ngày đăng ký 18/4/2005 được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ cấp cho chị L và anh A không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao con Võ Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 09-6-2008 cho anh A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; anh A không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Chị L không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí sơ thẩm: chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0010069 ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Chị L có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh A vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân